

CƠ SỞ KHOA HỌC QUAN ĐIỂM “TIẾP TỤC PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG, SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC” trong Nghị quyết Trung ương 8 khóa XIII của Đảng

ThS LÊ THẾ PHONG

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những truyền thống quý báu được hun đúc trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam; một trong những bài học lớn xuyên suốt luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức sâu sắc, khơi dậy và phát huy, trực tiếp góp phần tạo lên những mốc son chói lọi, có tính chất bước ngoặt vĩ đại trong tiến trình vận động, phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam. Trước yêu cầu mới đặt ra từ thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đảng đã thể hiện tư duy đột phá, tầm nhìn chiến lược khi khẳng định: “Tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường đồng thuận xã hội, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, niềm tin, khát vọng cống hiến và xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc; góp phần thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam là nước phát triển, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹. Tiếp cận cơ sở khoa học của quan điểm này dựa trên những căn cứ chủ yếu sau đây:

1. Xuất phát từ tư tưởng “thân dân” trong truyền thống văn hóa dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam

Đảng ta từng khẳng định: “Đại đoàn kết là truyền thống quý báu, là sức mạnh vô địch của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước”². Điều này hoàn toàn có cơ sở khoa học bởi vì đối với mỗi người dân Việt Nam, yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết đã thực sự trở thành một triết lý nhân sinh và ứng xử mang đậm truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam. Với dân tộc Việt Nam, giữ vững và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc luôn là vấn đề có ý nghĩa sống còn trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Ngược dòng lịch sử, trong thời kỳ Bắc thuộc, dân tộc ta mất nước nhưng không mất làng, mất đất nhưng không mất dân. Chính Nhân dân và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là động lực quan trọng để dân tộc ta không bị đồng hóa và vươn lên giành lại độc lập tự chủ, được mở đầu bằng chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền chấm dứt ách đô hộ 1117 năm của các thế lực phương Bắc, đưa nước ta bước vào thời kỳ xây dựng và bảo vệ quốc gia độc lập, tự chủ. Triều đại nhà Ngô đã đưa ra nhiều chính sách khuyến nông, mở rộng diện tích canh tác, chăm

lo phát triển nông nghiệp với tư tưởng “phú quốc an dân”. Kế tiếp nhà Ngô, sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế năm 968, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư, tự đặt niên hiệu là Thái Bình - đó là biểu hiện mới của tinh thần độc lập, tự chủ, với ước mong xây dựng cuộc sống hòa bình, tránh nạn binh đao. Khi thay thế nhà Đinh, Lê Hoàn lên ngôi năm 980 lập triều đại nhà Tiền Lê, tiếp tục đường lối xây dựng nhà nước phong kiến trung ương tập quyền, hết sức quan tâm, chăm lo việc đào sông, đắp đập, hoàn thiện hệ thống kênh mương trị thủy, dẫn nước nhằm đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân.

Tư tưởng “thân dân” được biểu hiện rõ nhất vào thời nhà Lý, sau khi Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng đế năm 1009, đặt niên hiệu là Thuận Thiên - “theo ý trời”, quyết định rời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Trong quá trình trị vì đất nước, triều đại nhà Lý đã có nhiều chính sách nói rộng sự cai trị, thi hành các chính sách thân dân; quan tâm phát triển nông nghiệp, khuyến khích sản xuất, giảm tô, thuế khi có mất mùa do thiên tai; tổ chức cho những người dân phiêu bạt trong chiến tranh loạn lạc trở về quê cũ ổn định cuộc sống; đại xá cho tù nhân về làm ruộng; mở trường đại học đầu tiên là Văn Miếu năm 1075 và Quốc Tử Giám năm 1076; tổ chức khoa thi đầu tiên vào năm 1075 để lựa chọn người hiền tài. Nhà Lý đã thực hiện chính sách “khoan, giản, an, lạc”, xem sự đủ ăn là ý nguyện của dân, lấy việc cày cấy là gốc của nước.

Tư tưởng “thân dân” tiếp tục được cụ thể hóa trong quá trình xây dựng và phát triển triều đại nhà Trần. Nhà Trần chủ trương xây dựng nhà nước quân chủ tập quyền mạnh mẽ nhưng chuyên quyền, cực đoan. Một chính thể “thân dân”, biết đặt lợi ích của vương triều trong lợi ích của dân tộc, gắn vận mệnh vương triều với vận mệnh của Tổ quốc và cuộc sống của Nhân dân. Để duy trì sự ổn định và phát triển đất nước, nhà Trần đã hiện thực hóa tư tưởng trọng dân, an dân, “khoan thư sức dân”, tạo nên một xã hội văn minh, ổn định và phát triển hài hòa. Đến thời Lê Sơ, với chủ trương nước lấy dân làm gốc, “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”, Lê Lợi đã chủ trương sửa đức để cầu mệnh trời, ngăn quyền hào để

nuôi sức dân, cấm phiên hà để dân sống khá, cấm sa si để dân phong túc, dẹp trộm cướp để dân ở yên, sửa quân chính để bảo vệ dân sinh.

Như vậy, trải qua các triều đại phong kiến với tư tưởng “thân dân” và luôn biết dựa vào Nhân dân để tạo sức mạnh trong xây dựng và phát triển đất nước. Nhờ đó, dân tộc ta luôn tạo được sức mạnh to lớn, đánh bại những kẻ thù xâm lược hung bạo nhất, giữ yên bờ cõi, bảo vệ độc lập dân tộc và cương vực của nước nhà. Tuy nhiên, bên cạnh tư tưởng và thực thi chính sách “thân dân” của các triều đại, lịch sử còn chứng kiến do không quan tâm, chăm lo xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, không quy tụ được sức dân, thì dù có thành cao, hào sâu và “nỏ thần” lợi hại như thời Âu Lạc; quân đội có hùng hậu, thành lũy kiên cố, vũ khí, phương tiện hiện đại như thời nhà Hồ cũng đều bị thất bại trước sự xâm lăng của kẻ thù. Đó là những bài học vô cùng quý giá để Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nhận thức, quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo trong điều kiện mới.

2. Xuất phát từ quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân

Quần chúng nhân dân trước hết và chủ yếu là khối đông đảo những người lao động, các giai cấp và tầng lớp cách mạng. Đó là lực lượng xã hội mà hoạt động của họ có vai trò tích cực đối với tiến bộ xã hội. Quần chúng nhân dân là lực lượng quyết định sự phát triển lịch sử. Vai trò quyết định đối với tiến trình lịch sử của quần chúng nhân dân được xem xét trên các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Trong đó, hoạt động sản xuất vật chất của quần chúng nhân dân lao động là điều kiện quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội. Vai trò của quần chúng nhân dân tăng lên không ngừng trong tiến trình lịch sử. C.Mác chỉ rõ: “Hoạt động lịch sử càng lớn lao thì do đó, quần chúng, mà hoạt động lịch sử đó là sự nghiệp của mình, cũng sẽ lớn lên theo”³.

Quần chúng nhân dân là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội. Trong xã hội có giai cấp, đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội. Các cuộc cách mạng, muốn giành được thắng lợi phải tập hợp, đoàn kết đông đảo quần chúng nhân dân: “Chúng ta hãy nhớ một nguyên tắc cơ bản của Quốc tế: sự đoàn kết. Chúng ta sẽ đạt được mục

đích vĩ đại mà chúng ta đang hướng tới, nếu chúng ta củng cố vững chắc nguyên tắc đầy sức sống ấy trong tất cả các công nhân ở tất cả các nước. Cách mạng phải là đoàn kết”⁴. Đồng thời, phải phát huy tinh thần sáng tạo của họ, bởi vì: “Cách mạng là ngày hội của những người bị áp bức và bóc lột. Không lúc nào quần chúng nhân dân có thể tỏ ra là người tích cực sáng tạo ra những trật tự xã hội mới như trong thời kỳ cách mạng. Trong những thời kỳ như thế,... thì nhân dân có thể làm được những kỳ công”⁵. Cách mạng là sự nghiệp quần chúng và đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân lao động là động lực phát triển của xã hội.

Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa là đòi hỏi khách quan và tạo khả năng khách quan phát huy cao độ sức mạnh của quần chúng nhân dân. Quần chúng nhân dân là động lực cơ bản, động lực bên trong của cách mạng xã hội chủ nghĩa. V.I.Lênin chỉ rõ: “Sự cải tạo mà chúng ta muốn tiến hành càng sâu sắc, thì càng cần phải có hứng thú và thái độ tự giác đối với sự cải tạo đó, càng phải thuyết phục được thêm hàng triệu và hàng chục triệu người tin tưởng vào sự cần thiết đó”⁶. Chủ nghĩa xã hội là một phong trào hiện thực, là kết quả của những hoạt động sáng tạo của bản thân quần chúng. Tính tích cực sáng tạo của quần chúng nhân dân là tiềm năng to lớn, là nguồn dự trữ vô tận của chủ nghĩa xã hội. V.I.Lênin khẳng định: “Tính sáng tạo sinh động của quần chúng, đó là nhân tố cơ bản của xã hội mới... Chủ nghĩa xã hội không phải là kết quả của những sắc lệnh từ trên ban xuống. Tính chất máy móc hành chính và quan liêu không dung hợp được với tinh thần của chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân”⁷. Trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, những tiền đề, điều kiện được tạo ra ngày càng đầy đủ hơn để quần chúng nhân dân phát huy tốt hơn, mạnh mẽ hơn vai trò sáng tạo lịch sử của mình, quần chúng nhân dân thực sự trở thành người làm chủ xã hội mới.

3. Xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc

Từ tầm cao tư tưởng Hồ Chí Minh về giai cấp và Nhân dân, Người đã có công lao to lớn trong việc xây dựng và thực hiện một chiến lược đại

đoàn kết toàn dân phù hợp, hiệu quả, đồng thời xác lập mối đoàn kết quốc tế đúng đắn giữa Nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trong khu vực và nhân loại tiến bộ, yêu chuộng hòa bình, công lý góp phần bảo vệ nền hòa bình, dân chủ trên toàn thế giới. Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Lòng yêu nước của đồng bào, nhập với hình thể hiểm trở của núi sông thành một lực lượng vô địch”⁸. Theo Người, chỉ khi đoàn kết, quy tụ được mọi giai cấp, mọi tầng lớp Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, thì không quân địch nào, súng ống nào chống lại được, từ đó mới tạo được sức mạnh vô địch để “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”⁹. Đoàn kết toàn dân, nhưng phải trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân làm nền tảng, coi sự nghiệp giải phóng dân tộc khỏi áp bức làm điểm tương đồng cho sự đoàn kết. Đồng thời, chỉ khi thực hiện tốt đại đoàn kết toàn dân thì “dân khí mạnh” mới có giá trị và được phát huy trong thực tiễn đấu tranh cách mạng.

Không chỉ nhấn mạnh: “Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh”¹⁰, “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết”¹¹, Hồ Chí Minh còn thông qua những việc làm cụ thể trong thực tiễn để chứng minh rằng có “đại đoàn kết” sẽ “thành công, thành công, đại thành công”, “đoàn kết là then chốt của mọi thành công”. Điều đó cho thấy rằng, xuyên suốt và nhất quán trong tư tưởng của Người thì đoàn kết, đại đoàn kết không đơn giản chỉ là một phương pháp tập hợp tổ chức lực lượng cách mạng, mà sâu sắc hơn đó là một bộ phận hữu cơ trong chiến lược cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ khi trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng cho đến khi Người từ biệt chúng ta trở về cõi vĩnh hằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bằng chính tấm gương đạo đức cao cả, tâm trong sáng, tâm lòng yêu nước, thương dân, tin dân và kính trọng dân của mình để quy tụ, tập hợp tất cả những người dân Việt Nam yêu nước, không phân biệt già, trẻ, gái, trai, tôn giáo, đảng phái... Chính tấm lòng bao dung và nhân ái của Người đã cảm hóa được những nhân sỹ, trí thức lớn như cụ Phạm Khắc Hòe, Bùi Bằng Đoàn, Huỳnh Thúc Kháng... vì lợi ích của quốc gia, dân tộc và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân

lao động cùng góp sức xây dựng chế độ mới. Người đã khẳng định: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác. Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”¹².

4. Xuất phát từ sự kế thừa, phát triển quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc qua các kỳ đại hội

Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn nhận thức sâu sắc và vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống văn hóa dân tộc về đoàn kết trong hoạch định đường lối, chủ trương xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đặc biệt, trong sự nghiệp đổi mới đất nước, nhận thức của Đảng ta về đại đoàn kết toàn dân tộc có những phát triển khi thấy rõ vị trí, vai trò và tầm quan trọng của Nhân dân. Quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, Đại hội VI của Đảng đã chỉ ra bốn bài học kinh nghiệm, trong đó xác định bài học thứ nhất là: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”¹³. Đến Đại hội VII của Đảng, lần đầu tiên trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng ta khẳng định: “Cách mạng là sự nghiệp của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Quan hệ giữa Đảng với nhân dân bao giờ cũng là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng. Nguồn sức mạnh làm nên thắng lợi của chúng ta chính là ở chỗ Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân”¹⁴. Từ kinh nghiệm thực tiễn, Đảng rút ra bài học quý báu đó là sự nghiệp cách mạng là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Chính Nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của Nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời

Nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước. Do đó, phải “không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế”¹⁵.

Tiếp nối tinh thần tinh thần Đại hội VII, trải qua các kỳ đại hội tiếp theo đến Đại hội XIII, Đảng vẫn luôn nhất quán và từng bước hoàn chỉnh quan điểm, chủ trương, đường lối: “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân”¹⁶. Tập trung giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích giữa các giai tầng trong xã hội. Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo; có những chính sách đặc thù giải quyết khó khăn cho đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện tốt đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cản trở sự phát triển của đất nước.

Như vậy, trong quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc bắt đầu từ sự nhận thức đúng về vị trí, vai trò của yếu tố lợi ích: “Giải quyết tốt quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng, nâng cao cuộc sống của Nhân dân; bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc, các giai tầng xã hội và của mỗi người dân trong tiếp cận cơ hội, đóng góp cho đất nước và thụ hưởng thành quả phát triển”¹⁷. Yếu tố quan trọng đầu tiên, có tính quyết định bảo đảm thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc chính là phải chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng của các giai cấp, các tầng lớp Nhân dân, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội. Cùng với việc giải quyết đúng đắn, hợp lý quan hệ lợi ích, thực hiện dân chủ là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc: “Đại đoàn kết toàn dân tộc phải gắn với phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền làm chủ của Nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội”¹⁸. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Nhân dân ta rất coi trọng dân chủ. Muốn đoàn kết thì phải dân chủ; dân chủ là tăng cường đoàn kết. Đại đoàn kết là “sự

nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm của Đảng và cả hệ thống chính trị”¹⁹. Để nâng cao trách nhiệm của toàn dân, Đảng ta đặt vấn đề phải xây dựng sự đồng thuận xã hội. Vì vậy Đảng ta đã tìm ra “mẫu số chung” cho tất cả những điểm khác nhau đó là điểm tương đồng: “Lấy mục tiêu xây dựng nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045 làm điểm tương đồng để động viên, cổ vũ Nhân dân đồng lòng, chung sức thực hiện vì tương lai của dân tộc, hạnh phúc của Nhân dân”²⁰.

5. Xuất phát từ thực tiễn phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam những năm qua và từ những yêu cầu mới đặt ra

Trong suốt thời kỳ đổi mới, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, toàn dân và toàn quân ta đã tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, kiên trì phấn đấu, bằng trí tuệ, tài năng và nghị lực phi thường của mình, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, tạo nên thế và lực mới cho đất nước. Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách quyết liệt, hiệu quả trực tiếp góp phần làm cho “truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường, phát huy, đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”²¹.

Tuy nhiên, đất nước ta vẫn còn phải đương đầu với không ít khó khăn, thách thức, vẫn còn những hạn chế, yếu kém: Kinh tế phát triển chưa bền vững; các lĩnh vực văn hóa, xã hội còn nhiều bất cập, một số mặt còn bức xúc; phân hóa giàu nghèo ngày một tăng; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống chưa được ngăn chặn, đẩy lùi; thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp; các thế lực thù địch vẫn tăng cường âm mưu, thủ đoạn phá hoại chế độ, phá hoại thành quả cách mạng và phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đặc biệt: “việc bảo đảm cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” có mặt còn hạn chế; quyền làm chủ của Nhân dân có lúc, có nơi chưa được bảo đảm”²². Những yếu tố trên tác động lẫn nhau, làm hạn chế việc phát huy thành quả của công cuộc đổi mới, làm giảm sút lòng tin trong một bộ phận Nhân dân, ảnh hưởng đến sự

đồng thuận xã hội và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay, tư duy mới về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc mà Đảng ta đã xác định “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”²³ đòi hỏi chúng ta không chỉ làm thất bại âm mưu xâm lược từ bên ngoài, mà còn phải đập tan mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch từ bên trong. Muốn thực hiện được nhiệm vụ đó, đòi hỏi phải “phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”²⁴.

Như vậy, đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là truyền thống quý báu mà còn là nguồn sức mạnh to lớn, nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là trách nhiệm chung của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị nhằm tập hợp, đoàn kết, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, tiềm năng, sức sáng tạo của Nhân dân góp phần xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1, 17, 18, 19, 20, 21, 22. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb CTQG - ST, H, 2023, tr. 137, 138 - 139, 138, 139, 138, 135, 136.

2, 13, 14, 15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG - ST, H, 2007, t. 54, tr. 138; 2006, t. 47, tr. 362; 2007, t. 51, tr. 27; tr. 130.

3, 4. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1995, t. 2, tr. 123; t. 18, tr. 220.

5, 6, 7. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2005, t. 11, tr. 13; 2005, t. 42, tr. 171; 2006, t. 35, tr. 64.

8, 9, 10, 11, 12. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t. 5, tr. 448; t. 3, tr. 596; t. 3, tr. 266; t. 13, tr. 455; t. 9, tr. 244.

16, 23, 24. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 50, 156, 215.

